

MỐI QUAN HỆ GIỮA THẤT NGHIỆP VÀ Ý THỨC BẢO VỆ TỔ QUỐC: LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN

Trần Bảo Nguyên¹

¹Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia TP HCM

Ngày nhận bài: 24/11/2021 Biên tập xong: 21/01/2022 Duyệt đăng: 15/3/2022

TÓM TẮT

Bước vào thế kỷ XXI, thất nghiệp đã trở thành một vấn nạn và xuất hiện ở hầu hết mọi quốc gia. Những hệ lụy do thất nghiệp gây ra luôn tác động sâu rộng đến mọi ngành nghề, lĩnh vực và rất khó tiên lượng. Trên cơ sở vận dụng mối quan hệ hữu cơ giữa phát triển kinh tế và củng cố quốc phòng – an ninh, tác giả đặt ra giả thuyết về mối quan hệ tương tác giữa thất nghiệp và ý thức bảo vệ Tổ quốc nhằm tìm hiểu các nguy cơ tác động đối với khía cạnh quốc phòng - an ninh trong bối cảnh hiện nay. Tác giả tiến hành kiểm chứng thông qua phương pháp phân tích các quan điểm triết học và nghiên cứu thực tiễn biểu hiện của mối quan hệ. Kết quả nghiên cứu cho thấy, thất nghiệp gây ra không ít những trở ngại đối với quá trình hình thành ý thức bảo vệ Tổ quốc của một cá nhân. Đồng thời, ý thức bảo vệ Tổ quốc của một cá nhân nào đó sẽ bị suy thoái, lệch hướng khi rơi vào tình trạng thất nghiệp và những hành vi bảo vệ Tổ quốc đi ngược lại với lợi ích xã hội cũng từ đó mà xuất hiện.

Từ khóa: Bảo vệ Tổ quốc, Thất nghiệp, Ý thức, Mối quan hệ, Lý luận và thực tiễn

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Thất nghiệp được xác định là một hiện tượng xã hội tồn tại trong mọi nền kinh tế và theo suốt toàn bộ quá trình phát triển của loài người hiện đại. Thực tiễn lịch sử phát triển kinh tế - xã hội của thế giới đã chứng minh rằng: cho dù là một nước giàu hay nghèo, một quốc gia phát triển hay kém phát triển, một nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh hay chậm đều phải đối diện với tình trạng thất nghiệp. Thất nghiệp xuất hiện và gia tăng không những mang lại nhiều hệ lụy ở khía cạnh kinh tế mà đó còn là một chuỗi các tác động liên quan trực tiếp đến mọi mặt của xã hội; trong đó bao gồm cả các vấn đề liên quan đến quốc phòng, an ninh (QP-AN). Điều này cũng đã được chỉ rõ trong các nghiên cứu về tác động của tình trạng thất nghiệp ở các quốc gia thuộc Châu Phi.

Ở Việt Nam, trong bối cảnh các sự cố liên quan đến lĩnh vực QP-AN ngày càng gia tăng đáng kể về tần số, tần suất và mức độ nghiêm trọng, nhiệm vụ tiên quyết đã được Đảng đặt ra là phải xây dựng một nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân vững mạnh toàn diện đủ sức chống lại những âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch; đồng thời xây dựng “thế trận lòng dân” vững chắc trong thực hiện chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc (BVTQ). Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chiến lược đó, yêu cầu trước mắt là cần ưu tiên tập trung thực hiện giải pháp giáo dục nâng cao nhận thức, xây dựng, bồi dưỡng ý thức BVTQ cho toàn dân, trong đó cần tập trung vào thế hệ trẻ, thanh niên, học sinh sinh viên vì đây là lực lượng nòng cốt trong các phong trào BVTQ.

Khi nghiên cứu các hệ lụy của thất nghiệp, chúng ta sẽ mắc sai lầm nếu chỉ

quan tâm xem xét đến những tác động “nổi”, trực tiếp đối với nền kinh tế mà bỏ qua tác động “chìm” đối với lĩnh vực QP-AN; cụ thể là ý thức BVTQ của nhân dân, của thế hệ trẻ. Bởi lẽ, xét trên cả hai khía cạnh lý luận và thực tiễn, giữa thất nghiệp và ý thức BVTQ luôn tồn tại một mối quan hệ gắn bó mật thiết trên cơ sở kế thừa mối quan hệ giữa kinh tế và quốc phòng. Như vậy, chúng ta cần nhận diện đúng và đầy đủ hơn về những hệ lụy sâu xa, tiềm ẩn của thất nghiệp; đặc biệt là những tác động đối với các vấn đề liên quan đến việc xây dựng và củng cố QP-AN làm cơ sở cho các hoạt động xây dựng đất nước phát triển theo hướng vững mạnh toàn diện.

2. MỘT SỐ KHÁI NIỆM CƠ BẢN

2.1. Việc làm

Tổ chức lao động quốc tế (ILO) đưa ra khái niệm việc làm là “những hoạt động lao động được trả công bằng tiền hoặc hiện vật” [1]. Theo điều 9 của Bộ luật lao động Việt Nam và điều 3 của Luật Việc làm khái niệm “Việc làm là hoạt động lao động tạo ra thu nhập mà không bị pháp luật cấm” [2][3]. Xét ở khía cạnh kinh tế - xã hội, “việc làm” là cụm từ được dùng để chỉ hoạt động nhằm tạo ra thu nhập được xã hội công nhận hoặc mang lại lợi ích chính đáng, phù hợp với luật pháp cho người lao động. Như vậy, đối với một cá nhân bất kỳ, việc làm sẽ góp phần đáng kể vào việc xây dựng và đảm bảo các điều kiện sống cơ bản để họ tồn tại và phát triển. Qua đó, vấn đề có hay không có việc làm cũng sẽ tác động điều chỉnh hoặc làm thay đổi toàn bộ đời sống vật chất, tinh thần của người lao động.

2.2. Thất nghiệp

Tại Điều 20 Công ước số 102 (1952) của tổ chức lao động Quốc tế (ILO) về Quy phạm tối thiểu về an toàn xã hội định nghĩa: “Thất nghiệp là sự ngừng thu nhập do không có khả năng tìm được một việc làm thích hợp trong trường hợp người đó có khả năng làm việc và sẵn sàng làm việc, theo định nghĩa này để xác định tình trạng thất nghiệp cần hai điều kiện “có khả năng làm việc” và “sẵn sàng làm việc” [4]. Đây là định nghĩa khái quát nhất và hệ thống các tiêu chí được sử dụng làm cơ sở để định nghĩa về thất nghiệp ở các quốc gia.

2.3. Ý thức và ý thức BVTQ

- *Ý thức* là một thuật ngữ có thể được dùng với nghĩa rộng hoặc nghĩa hẹp [5]. Theo nghĩa rộng, ý thức thường được dùng đồng nghĩa với tinh thần, tư tưởng,... Theo nghĩa hẹp, ý thức được dùng để chỉ một cấp độ đặc biệt trong tâm lý con người. Ý thức là hình thức phản ánh tâm lý cao nhất riêng con người mới có, phản ánh bằng ngôn ngữ, là khả năng con người hiểu được các tri thức mà con người đã tiếp thu được.

- *Ý thức BVTQ* “là một loại hình của ý thức xã hội phản ánh yêu cầu khách quan của sự nghiệp BVTQ; là sự giác ngộ về nghĩa vụ trách nhiệm công dân đối với sự nghiệp BVTQ” [6]. Qua đó, khái quát hóa ý thức BVTQ của thanh niên là sự giác ngộ về nghĩa vụ và trách nhiệm đối với sự nghiệp BVTQ được biểu hiện bằng hành vi sẵn sàng chống lại những thế lực gây hại đối với nền độc lập dân tộc và công cuộc phát triển đất nước.

3. SỰ HIỆN DIỆN CỦA MỐI QUAN HỆ TƯƠNG TÁC GIỮA THẤT NGHIỆP VÀ Ý THỨC BẢO VỆ TỔ

QUỐC TRONG CÁC LUẬN ĐIỂM KHOA HỌC VÀ THỰC TIỄN

Thất nghiệp được xem như là một “sản phẩm lỗi” và là một “căn bệnh nan y” của quá trình quản lý, vận hành nền kinh tế. Vấn đề BVTQ, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa luôn là một nhiệm vụ chính trị hàng đầu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta trong giai đoạn hiện nay. Trong đó, yếu tố ý thức được xác định là nền tảng của mọi hành động và quyết định sự thắng lợi của quá trình thực hiện nhiệm vụ BVTQ. Mọi quan hệ giữa thất nghiệp và ý thức BVTQ được xác định là một bộ phận trong mối quan hệ kinh tế và quốc phòng; cho nên chúng sẽ được thừa hưởng những đặc điểm cơ bản nhất của mối quan hệ hữu cơ giữa kinh tế và quốc phòng. Nghĩa là, thất nghiệp (kinh tế) sẽ tác động mạnh mẽ đến quá trình hình thành và phát triển của ý thức BVTQ (quốc phòng) và ngược lại. Trên thực tế, khi nói đến mối quan hệ giữa thất nghiệp và ý thức BVTQ, chúng ta chưa tìm thấy một nghiên cứu nào tập trung tìm hiểu về sự tồn tại và trực tiếp làm rõ về mối quan hệ đó. Song, khi tiếp cận các học thuyết, các quan điểm của một số triết gia và thông qua việc đánh giá thực tiễn xã hội, chúng ta sẽ tìm ra được sự tồn tại mang tính khách quan của mối quan hệ tương tác giữa thất nghiệp và ý thức BVTQ. Cụ thể:

Về mặt lý luận

Như chúng ta đã biết, từ buổi bình minh của lịch sử nhân loại, khi các hoạt động sống của loài người còn tuân theo bản năng tự nhiên thì tổ tiên loài người đã biết quan tâm và bằng mọi cách (cả kể cả các hành vi bạo lực) để có được nguồn thức ăn, có cái để mặc, chỗ ở,...

để duy trì cuộc sống. Theo đó, các nhu cầu về vật chất cơ bản như thức ăn, nước uống, chỗ ở, cái để mặc,... là một điều kiện cần và trở thành nhu cầu thiết khởi nguồn cho sự sống. Các nhu cầu đó sẽ được cung cấp thông qua quá trình lao động sản xuất của con người; hay nói cách khác, loài người phải làm việc để thỏa mãn các nhu cầu cơ bản nhất. Cho nên, các hoạt động sản xuất tạo ra nguồn thức ăn, có cái để mặc, chỗ ở,... là những hành vi xuất hiện từ rất sớm trong xã hội loài người và quyết định sự tồn tại, phát triển của con người. Rõ ràng, nội dung của chân lý ấy thì rất giản đơn, rất dễ hiểu và đã được thực tiễn lịch sử phát triển xã hội loài người chứng minh nhưng không phải ai cũng có thể giác ngộ được chân lý đó. Trong triết học, giai đoạn trước khi triết học Mác ra đời, khi các triết gia đưa ra quan điểm về xã hội thì chưa một ai tìm ra chân lý đó hoặc đã nhìn thấy nhưng không một ai công nhận đó là một quy luật tất yếu, bất biến của sự phát triển. Các nhà triết học trước C. Mác khi bày tỏ quan điểm thường có khuynh hướng đề cao đến mức tuyệt đối hoá vai trò của hoạt động chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo,... Họ coi các hoạt động đó là tiền đề, cơ sở, nền tảng để phát triển xã hội và xem thường, không quan tâm thậm chí là bỏ qua những nhu cầu cấp thấp, những cái tầm thường (nguồn thức ăn, có cái để mặc, chỗ ở,...) trong xã hội. Do vậy, nguồn gốc xã hội và sự phát triển thường xuất phát từ các hoạt động “làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo” chứ không phải do các hoạt động sản xuất ra cái để ăn, uống, mặc và ở. Nói cách khác, các nhà triết học trước Mác luôn trung thành với quan điểm triết học duy

tâm chú không theo quan điểm triết học duy vật và triết để sử dụng nó để giải thích lịch sử.

Khác với những nhà triết học trước - những người theo quan điểm duy tâm, C. Mác với cái nhìn biện chứng duy vật của mình, ông là người tiên phong, “cha đẻ” của các luận điểm về mối quan hệ của sự phát triển xã hội với các nhu cầu cơ bản của con người với quan điểm: “...con người trước hết cần phải ăn, uống, chỗ ở và mặc đã rồi mới có thể làm chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo và v.v..” [7, tr. 500]. Theo C. Mác, nguồn sống, nhu cầu sống cơ bản nhất (ăn, uống, ở và mặc) của con người hay các điều kiện vật chất phục vụ sự sống luôn là tiền đề của mọi hoạt động sống. Để các hoạt động sống (bao gồm cả các hoạt động xã hội: chính trị, khoa học, nghệ thuật, tôn giáo,...) được diễn ra một cách tự nhiên thì con người phải ưu tiên đáp ứng các nhu cầu sống cơ bản nhất; hay để con người có đủ thể lực, trí lực phục vụ xã hội thì trước hết bản thân phải được nuôi sống. Qua đó, việc đáp ứng các nhu cầu ăn, uống mặc, ở tương chừng giản đơn nhưng lại có một vai trò rất quan trọng, tiền đề của sự phát triển và con người cần phải tham gia vào các hoạt động của quá trình lao động sản xuất để thỏa mãn các nhu cầu đó. Nếu con người không thể lao động sản xuất thì điều kiện cần cho sự sống sẽ không được đảm bảo và ảnh hưởng sâu sắc đến toàn bộ hoạt động sống. Nói cách khác, là các hoạt động đó sẽ không thể diễn ra khi ý thức bị chi phối bởi sự hạn chế các điều kiện về vật chất. Nghĩa là, vật chất sẽ tạo ra ý thức, từ đó quyết định hành vi của con người. Quan điểm về sự phát triển xã hội của C. Mác đã trở thành một quy luật tất yếu để giải thích

cho những hành vi đơn giản tuân theo tự nhiên của con người. Cũng như Ph.Ăngghen đã nhận xét: “*Lần đầu tiên, lịch sử đã được đặt trên cơ sở thực sự của nó. Cái sự thật hiển nhiên mà mãi cho đến lúc đó người ta vẫn bỏ quên mất, là trước hết con người cần phải ăn, uống, ở và mặc, nghĩa là phải lao động, trước khi có thể đấu tranh để giành quyền thống trị, trước khi có thể hoạt động chính trị, tôn giáo, triết học,...*” [7, tr. 166]. Tư duy biện chứng của C. Mác rất phù hợp với thực tiễn xã hội, từ khi nó xuất hiện đã “khai lối mở đường” cho sự ra đời của các học thuyết về sau và làm cơ sở vận dụng vào việc giải quyết các mối quan hệ phát sinh trong thực tiễn quá trình phát triển kinh tế - xã hội hiện nay.

Cùng thời với C. Mác, nhà nho Nguyễn Trường Tộ - còn là một nhà tư tưởng, một triết gia lớn ở Việt Nam thế kỷ XIX cũng đã từng bày tỏ quan điểm cá nhân về mối quan hệ giữa nhu cầu sống và các hoạt động sống cấp cao (hoạt động chính trị) cũng như yêu cầu khách quan của sự sinh tồn và phát triển xã hội. Ông cho rằng: “... *muôn việc ở đời cơ bản là sự nuôi sống. Nếu không đủ nuôi sống, bản thân còn không bảo tồn được nói gì đến chuyện khác ngoài bản thân ... Nếu bị cái nghèo đói thúc bách thì lo kiếm sống cũng không xong còn đâu mà bàn lễ nghĩa*” [8, tr. 191]. Lễ nghĩa trong thời đại của Ông ngoài việc đề chỉ các nguyên tắc hành vi dùng để đối nhân xử thế giữa người với người, đó còn được dùng để đề cập đến ý thức, thái độ, trách nhiệm và hành vi của một người dân đối với chuyện quốc gia, xã tắc. Quan điểm của Ông tập trung đề cao sự cần thiết, nhấn mạnh tầm quan trọng và mức độ ưu tiên đáp

ứng của các nhu cầu sống cơ bản (đủ cơm ăn, áo mặc). Thật vậy, cái lễ nghĩa chỉ giúp con người làm nên danh tiếng, thiết lập địa vị xã hội,... những thứ đó chỉ là “chiếc áo danh tiếng”, là lớp vỏ bên ngoài và lễ nghĩa cũng sẽ không thể có ở một con người đang rơi vào hoàn cảnh cùng cực (hoàn cảnh nghèo đói, không có cơm ăn, áo mặc, nơi ở). Bên cạnh đó, trong hoàn cảnh đất nước có ngoại xâm, nền kinh tế suy sụp trở nên nghèo nàn, Ông cũng chỉ rõ đường hướng muốn đánh thắng Pháp thì trước tiên triều đình phải chăm lo phát triển kinh tế của đất nước. Ông khẳng định: *“Ngày nay, cái mà ta thiếu thốn nhất là tiền của. Vì không có tiền của cho nên trăm việc, việc gì cũng không làm được”* [8, tr. 161]. So sánh tương quan trong tư tưởng của C. Mác (phương Tây) và Nguyễn Trường Tộ (phương Đông), tuy có sự cách trở về không gian và bị hạn chế về điều kiện tiếp cận nhưng trong tư tưởng của nhà triết học phương Đông lại có sự tương đồng ngẫu nhiên với quan điểm của triết học phương Tây. Tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ đã giúp chúng ta nhìn thấy một sự thật, đó là khi con người đang trong tình trạng nghèo đói, điều kiện sống thiếu thốn thì ít hoặc nhiều cũng sẽ bị những ham muốn về “tiền bạc” thúc giục. Từ đó, suy nghĩ và hành vi luôn hướng đến các hoạt động nhằm giải quyết nhu cầu về kinh tế, đảm bảo cuộc sống cho bản thân (lao động sản xuất, làm việc nhận thù lao,... để tạo ra của cải vật chất) hơn là các vấn đề liên quan đến xã hội. Tư tưởng của Nguyễn Trường Tộ đã vượt ra khỏi các định kiến truyền thống của xã hội phong kiến, chống lại các luồng tư tưởng nho giáo hủ lậu thời bấy giờ. Ông khẳng

định kinh tế, lao động sản xuất luôn luôn là tiền đề của cuộc sống nhân sinh, là nền tảng của sự phát triển chứ không phải là chuyện lễ nghĩa; khi nào nghèo đói, thiếu thốn được đẩy lùi thì mới bàn đến chuyện lễ nghĩa.

Trên cơ sở học tập và kế thừa các quan điểm của C. Mác, chủ tịch Hồ Chí Minh đã vận dụng nội dung cốt lõi của mối quan hệ một cách sáng tạo vào quá trình lãnh đạo cách mạng giải phóng dân tộc ở Việt Nam và đã giành nhiều thắng lợi to lớn. Sau cách mạng tháng 8/1945 thắng lợi, trong tình thế các thế lực thù trong, giặc ngoài vẫn tiếp tục ra sức chống phá hòng lật đổ chính quyền cách mạng còn non trẻ và hậu quả của chính sách cai trị bóc lột kiệt quệ sức người, vơ vét cạn kiệt tài nguyên, vật lực của bọn thực dân đã đẩy nước ta rơi vào hoàn cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” cùng lúc phải đối đầu với ba loại giặc “giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm”. Tại phiên họp đầu tiên của Chính phủ, chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu ra sáu vấn đề cấp bách; trong đó cứu đói là một trong sáu nhiệm vụ cấp bách hàng đầu. Theo chủ tịch Hồ Chí Minh, nghèo đói là một trong ba loại giặc và giặc đói cũng nguy hiểm không kém giặc ngoại xâm cần phải tiêu diệt ngay. Bác cũng chỉ rõ: *“giặc ngoại xâm cướp nước có thể làm ta mất nước, mất độc lập, tự do nhưng giặc đói, giặc dốt làm cho dân ta chìm đắm trong lầm than, đói khổ, đen tối và ám no, hạnh phúc chỉ là ước vọng, mong mỏi. Nghèo đói thì sức lực nhân dân yếu ớt, thực lực đất nước giảm sút, giống nòi suy vong, thế nước đi xuống và khi đó khó có thể bảo vệ được nên độc lập tự chủ”* [9]. Với phương châm “Thực túc thì binh cường” (nghĩa là: quân mà ăn đủ thì

manh), chủ tịch Hồ Chí Minh chủ trương trước mắt là phải diệt “giặc đói”, phải thực hiện khẩn trương việc cứu đói nhất định không để quân và dân thiếu lương thực tạo điều kiện thực hiện mục tiêu toàn dân đánh giặc. Nghĩa là, quân và dân phải no đủ thì mới tạo được thế mạnh, đã mạnh thì phải mạnh về mọi mặt thể lực lẫn trí lực; từ đó mới có thể đánh và đánh thắng được giặc ngoại xâm. Tư tưởng của Bác luôn đề cao quan điểm “dĩ thực vi tiên”, trước tiên mọi người phải được no ấm, “*ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành*” [10, tr. 161], sau đó mới tính đến chuyện đánh giặc BVTQ và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Các quan điểm trong hệ tư tưởng của chủ tịch Hồ Chí Minh chúng ta luôn nhận thấy có sự hiện diện của chủ nghĩa Mác.

Trong kho tàng văn học dân gian Việt Nam vẫn còn truyền tụng câu thành ngữ “*Có thực mới vực được đạo*” dùng để răn dạy con cháu đời sau. Ngữ nghĩa của nó thì tùy thuộc vào từng hoàn cảnh, từng tình huống cụ thể sẽ mang những nghĩa khác nhau. Tuy nhiên, theo nghĩa khái quát nhất thì “*từ “Thực” được dùng để chỉ chuyện ăn, uống; từ “Đạo” theo chữ Hán nghĩa đen là đường đi; nghĩa bóng là đường hướng phải theo trong đời sống tinh thần của con người (đạo làm người)*” [11] hay là nói đến những điều to tát, thiêng liêng mang tính lý tưởng. Điều này có nghĩa, con người muốn đi đúng đường để hoàn thành “đạo làm người” đối với xã hội, quốc gia, dân tộc thì trước tiên phải trải qua việc ăn, uống và hiển nhiên muốn có cái để “thực” thì phải tham gia vào quá trình lao động sản xuất hay phải “làm” (từ “làm” trong tình huống này được hiểu theo nghĩa là

làm việc hay có việc làm tạo ra thu nhập). Trái lại, con người ta lúc nào cũng chỉ quanh quẩn lo nghĩ về cái “thực”, cái để cho vào miệng thì không thể nào mà nghĩ rộng ra được; cái bụng mà chưa no thì đầu chưa thể nghĩ đến những thứ cao sang, xa xôi khác như đạo lý, đạo nghĩa. Điều này cho thấy, vật chất tác động rất lớn thậm chí có thể quyết định sự tồn tại của ý thức. Thông điệp của câu thành ngữ này cũng tương tự những học thuyết về nhu cầu của phương Tây, đặc biệt là Tháp nhu cầu của Maslow hay các câu thành ngữ tiếng Anh như “It’s no use preaching to a hungry man” hoặc “A hungry belly has no ears” tương đương cũng có ý rằng người đói thì phải ăn cho hết đói đã thì mới tập trung làm được điều gì khác. Con người sẽ có xu hướng quan tâm và ưu tiên đáp ứng những điều cần thiết nhất cho bản thân nhằm tạo động lực thúc đẩy việc hình thành ý thức tích cực và chuẩn bị tiền đề cho những hoạt động giúp ích cho cộng đồng, xã hội, dân tộc được diễn ra.

Như vậy, xét theo nguồn gốc các nhu cầu ăn, uống, nhà ở, mặc,... nói riêng và các nhu cầu cơ bản khác suy cho cùng đều được sinh ra từ các quá trình lao động sản xuất của con người hay thông qua quá trình làm việc được trả thù lao. Qua đó, chúng có thể suy luận rằng: nếu thất nghiệp, không có việc làm, không tạo ra thu nhập để đảm bảo ăn, mặc, ở thì tất yếu ý thức BVTQ của cá nhân (một khía cạnh của ý thức nói chung) sẽ không thể hình thành hoặc sẽ suy giảm dần theo thời gian. Thật vậy, một nền kinh tế phát triển, đời sống kinh tế người dân ổn định, mọi người đều có cái ăn, cái mặc, cái ở thì mới có đủ sức lực và tinh thần mà làm chuyện

“quốc gia đại sự”. Trái lại, ý thức BVTQ sẽ khó hoặc không thể hình thành, tồn tại, phát triển trong điều kiện bản thân con người luôn lo lắng và mong mỏi có một việc làm với mức thu nhập đủ để duy trì cuộc sống. Chúng ta có thể thấy rằng quan điểm triết học của chủ nghĩa Mác, luận điểm của Nguyễn Trường Tộ, tư tưởng Hồ Chí Minh và những đạo lý của người xưa đã giúp chúng ta giải thích một cách tỏ tường về mối quan hệ và là kim chỉ nam để giải quyết thấu đáo, hài hoà mối quan hệ giữa thất nghiệp và ý thức BVTQ trong thời đại ngày nay.

Về mặt thực tiễn

Khi nói về tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm BVTQ xã hội chủ nghĩa, chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: *“Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước”* [12, tr. 172]. Điều này có nghĩa tình yêu quê hương, đất nước, tinh thần tự tôn dân tộc, ý thức BVTQ, đấu tranh chống lại các thế lực thù địch luôn trường tồn trong mỗi con người Việt Nam; nó sẽ được khơi dậy mỗi khi Tổ quốc lâm nguy. Kế thừa hệ tư tưởng của Bác, trong suốt quá trình lãnh đạo đất nước thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và BVTQ, Đảng cộng sản Việt Nam luôn xác định BVTQ là một nhiệm vụ thiên liêng của cả dân tộc và là trách nhiệm của mỗi người dân; Đảng luôn chủ trương dựa vào dân, “lấy dân làm gốc” để thực hiện mục tiêu BVTQ xã hội chủ

nghĩa trong tình hình mới. Tuy nhiên, để hiện thực hóa quan điểm là điều không dễ dàng, đòi hỏi mỗi cá nhân cần có nhận thức đúng đắn; có tinh thần, thái độ tích cực và ý thức tự nguyện. Dẫu biết rằng tinh thần yêu nước là bất diệt nhưng suy cho cùng cũng xuất phát từ con người. Cho nên, sự tồn tại và biểu hiện của tinh thần yêu nước, ý thức BVTQ phụ thuộc rất nhiều vào các yếu tố bên trong mỗi cá nhân (trình độ, năng lực, nhận thức,...) và chịu sự tác động, chi phối cả các yếu tố bên ngoài (điều kiện, hoàn cảnh của môi trường sống: kinh tế, văn hóa, giáo dục,...). Trong đó, nạn thất nghiệp được nhắc đến trong bài viết đã và đang tác động mạnh mẽ đến ý thức BVTQ mỗi cá nhân. Đặc biệt, phải kể đến sự tác động của thất nghiệp đối với ý thức BVTQ của thế hệ thanh niên.

Theo kết quả điều tra của Viện Nghiên cứu Thanh niên cho thấy: *“70% sinh viên Việt Nam cho biết lo lắng hàng đầu hiện nay là việc làm”* [13]. Đối với thế hệ thanh niên, lứa tuổi sinh viên, thất nghiệp được xác định là kẻ thù muôn thuở. Bởi lẽ, thất nghiệp luôn rình rập, đe dọa họ khi vừa rời khỏi giảng đường bước chân vào thị trường lao động. Sau khi tốt nghiệp, sinh viên phải chuẩn bị tâm lý đối diện và luôn sẵn sàng cho cuộc chiến mang tên “việc làm”. Chính vì vậy, trong suy nghĩ của sinh viên luôn thường trực nỗi trăn trở, lo lắng về việc làm và mục tiêu “tìm việc làm, kiếm thu nhập” đã chi phối toàn bộ đời sống tâm lý của sinh viên. Cái gọi là ý thức, trách nhiệm, nghĩa vụ với quốc gia, dân tộc chỉ được nhen nhóm khi có sự suy giảm hàm lượng nỗi lo sợ thất nghiệp trong tâm trí sinh viên.

Thất nghiệp hay tình trạng không có việc làm luôn được xác định là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến nạn đói nếu diễn ra trong một thời gian dài. Bởi lẽ, thất nghiệp cắt đứt, chặn đứng nguồn thu nhập cá nhân người thất nghiệp hoặc làm hạn chế đáng kể các điều kiện sống cơ bản của con người. Và nghèo đói *“là một trong những nguyên nhân dẫn đến mất an ninh quốc gia hay mức độ thất nghiệp gia tăng sẽ dẫn đến sự gia tăng các thách thức về an ninh trong nước”* [14]. Điều này đã được không ít các quốc gia, nhà khoa học tuyên bố và luận chứng. Trên thế giới, đặc biệt là khu vực Châu Phi xung đột, bạo lực vũ trang và chiến tranh xảy ra liên tục ở một số quốc gia và được cho là bắt nguồn từ sự nghèo đói. Ở Việt Nam, tình trạng này chưa xuất hiện nhưng mầm mống của nó đã được hình thành bởi sự ảnh hưởng của các âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch dựa vào sự nghèo đói, thiếu thốn của một bộ người dân để mua chuộc, lôi kéo, dụ dỗ thực hiện các hoạt động biểu tình, chống phá nhà nước, bạo loạn lật đổ gây mất an ninh cục bộ tại một số khu vực trong nước.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh các thế lực thù địch đã và đang tiến hành nhiều hoạt động phá hoại nền kinh tế của Việt Nam, gây ra sự yếu kém, trì trệ, bất ổn, khủng hoảng trong các thành phần kinh tế dẫn đến tình trạng thất nghiệp cũng ngày một gia tăng đáng kể. Thất nghiệp gia tăng, đặc biệt là ở thanh niên *“chính là điều kiện phát sinh các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến trật tự, an toàn của cộng đồng”* [15]. Đây cũng chính là một dạng biểu hiện của sự suy thoái ý thức BVTQ. Tình trạng này đã chứng minh được sự cần thiết của các điều

kiện sống, nhu cầu vật chất luôn đứng trước và chi phối các nhu cầu về ý thức. Đồng thời, bởi sự sai lệch trong ý thức BVTQ của người lao động sẽ dẫn đến những hành động thể hiện lòng yêu nước, yêu Tổ quốc không tuân thủ quy định luật pháp và kết quả họ sẽ phải đối diện với nguy cơ thất nghiệp trong tương lai. Thực tiễn cho thấy, trong năm 2014 các hoạt động phá hoại, bạo loạn nhằm phản đối Trung Quốc hạ đặt giàn khoan trái phép *“đã làm ảnh hưởng đến việc làm của khoảng 2,1 triệu lao động trên cả nước; tính riêng Bình Dương đã có 60.000 người lao động bị ảnh hưởng do biểu tình trong tháng 5 khiến nhiều người mất việc, trong đó 40.000 người đủ điều kiện xem xét hưởng bảo hiểm thất nghiệp. Lao động thất nghiệp trở về quê bị giảm thu nhập và đời sống bấp bênh”* [16]. Trong nghiên cứu về “Phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay” của Bộ Tư pháp đã chỉ rõ: *“nguyên nhân xảy ra tình trạng phạm tội gia tăng là do tình hình kinh tế, xã hội còn nhiều khó khăn, doanh nghiệp phá sản, thu hẹp sản xuất, lao động mất việc làm tăng cao;...”* [17]. Các kết quả nghiên cứu hoàn toàn phù hợp với các luận điểm đã nêu ở trên và giúp lí giải vì sao có sự suy thoái tư tưởng, bản lĩnh chính trị trong đại đa số thanh niên Việt Nam.

Như vậy, thực tiễn đã góp phần củng cố luận cứ cho việc xác định mối quan hệ tác động giữa thất nghiệp đối với ý thức BVTQ và giúp chúng ta có thêm cơ sở đưa ra nhận định rằng: *“Thất nghiệp không những tác động tiêu cực trực tiếp đến nền kinh tế mà còn ảnh hưởng sâu sắc đến ý thức BVTQ của nhóm người thất nghiệp”*. Nói cách khác, trong bối cảnh hiện nay nếu thất

nghiệp không được giải quyết, người dân không có việc làm thì sẽ không thể hết lòng phụng sự Tổ quốc. Tuy nhiên, ở một khía cạnh khác, nhìn nhận vấn đề theo khuynh hướng tích cực thì thất nghiệp và các hệ lụy được xem như là lời cảnh báo về sự suy thoái ý thức BVTQ của người dân. Qua đó, chúng ta sẽ có cơ hội để nhận thức đầy đủ hơn về mối quan hệ giữa thất nghiệp và ý thức BVTQ. Đồng thời, những thách thức cũng là điều kiện để nhà nước, người lao động và người thất nghiệp tự đánh giá và điều chỉnh hành vi, thái độ BVTQ góp phần thực hiện thắng lợi hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện hiện nay.

4. KẾT LUẬN

Rõ ràng, một khi nạn thất nghiệp không thể kiểm chế ở mức cho phép, số lượng việc làm được tạo ra không đủ đáp ứng nhu cầu xã hội, những người trẻ có tri thức không thể tìm được “kế

sinh nhai”, các chính sách hỗ trợ người thất nghiệp không đủ hiệu quả, không đảm bảo cuộc sống ổn định cho người dân thì dễ tạo ra một “thế hệ bất mãn”. Ở một chừng mực nào đó, tình trạng thất nghiệp sẽ làm cản trở quá trình hình thành ý thức tích cực của thanh niên đối với nhiệm vụ BVTQ. Người thất nghiệp và đặc biệt là thanh niên có thể bị thao túng để làm suy yếu sự ổn định của quốc gia bởi các thế lực chống đối chính phủ. Đây chính là nguyên nhân gây ra những xáo trộn về xã hội, những xung đột đe dọa sự ổn định của nền QP-AN, thậm chí sẽ dẫn đến những bất ổn về chính trị - xã hội. Do đó, giải quyết nạn thất nghiệp có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với quá trình xây dựng niềm tin, ý thức và trách nhiệm thế hệ trẻ đối với đất nước góp phần xây dựng vững chắc “thế trận lòng dân” nhằm thực hiện thắng lợi chiến lược chiến tranh nhân dân BVTQ xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] ILO, Current International Recommendations on Labour Statistics, pp. 47, ILO, 1988.
- [2] Quốc hội, Bộ luật Lao động (hiện hành), Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2019.
- [3] Quốc hội, Luật Việc làm năm 2013 và Nghị định số 28/2015/NĐ-CP hướng dẫn thi hành về Bảo hiểm thất nghiệp, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, 2015.
- [4] Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Vấn đề thất nghiệp và khái niệm người thất nghiệp, <http://diendan.vfpres.vn/threads/van-de-that-nghiep-va-khai-niem-nguoi-that-nghiep.21364/>, truy cập ngày 20/03/2019.
- [5] Nguyễn Xuân Thức (chủ biên), Giáo trình tâm lý học đại cương, Nhà xuất bản Đại học Sư Phạm, Xuất bản lần thứ 9, 2007.
- [6] Vũ Thị Thu Trang, Ý thức bảo vệ Tổ quốc của sinh viên hiện nay, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 404, (2018), <http://vhnt.org.vn/tin-tuc/tu-lieu-trong-nuoc/30740/y-thuc-bao-ve-to-quooc-cua-sinh-vien-hien-nay>, truy cập ngày 20/03/2019.
- [7] C. Mác và Ph. Ăngghen, Toàn tập, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Tập 19, 1995.

- [8] Trương Bá Cần, Nguyễn Trường Tô, con người và di thảo, tr. 191, Nhà xuất bản TP. Hồ Chí Minh, 1988.
- [9] Lê Quốc Lý, Quan điểm Hồ Chí Minh về nhiệm vụ chăm lo đời sống âm no, hạnh phúc cho nhân dân, Tạp chí Lý luận chính trị, <http://lyluanchinhtri.vn/home/index.php/bai-noi-bat/item/%202389-quan-diem-ho-chi-minh-ve-nhiem-vu-cham-lo-doi-song-am-no-hanh-phuc-cho-nhan-dan.html>, truy cập ngày 20/03/2019.
- [10] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tr. 161, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Tập 4, 2002.
- [11] Hội đồng Quốc gia chỉ đạo biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, Từ điển bách khoa Việt Nam, Trung tâm Biên soạn Từ điển bách khoa Việt Nam, 1995.
- [12] Hồ Chí Minh, Toàn tập, tr. 172, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Tập 6, 2000.
- [13] Thân Trung Dũng, Việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp - Một vấn đề nan giải, <http://tadri.org/vi/news/Xa-hoi-hoc/VIIEC-LAM-CUA-SINH-VIEN-SAU-KHI-TOT-NGHIEP-MOT-VAN-DE-XA-HOI-NAN-GIAI-215/>, truy cập ngày 20/03/2019
- [14] Olubukola S. Adesina, Unemployment and Security Challenges in Nigeria, *International Journal of Humanities and Social Science*, Vol. 3, No. 7, pp. 146-159, (2013).
- [15] Trịnh Thị Kim Ngọc, Thất nghiệp ở thanh niên Việt Nam và những hệ lụy, *Tạp chí Khoa học xã hội Việt Nam*, số 7(80), tr. 69-76, (2014).
- [16] Nguyễn Đức Thành và Ngô Quốc Thái, Ảnh hưởng từ sự kiện giàn khoan 981 đến kinh tế Việt Nam hết 2014 và xa hơn, Viện nghiên cứu kinh tế và chính sách, <http://vepr.org.vn/upload/533/20141231/HD981%2020140826%20vie35.pdf>, truy cập ngày 20/03/2019
- [17] Bộ Tư pháp, Phòng, chống tội phạm ở nước ta hiện nay - Thực trạng và một số kiến nghị, <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nguyen-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2142>, truy cập ngày 20/03/2019

RELATIONSHIP BETWEEN UNEMPLOYMENT AND CONVENTION OF PROTECTION OF THE COUNTRY: THEORETICAL AND PRACTICE

Tran Bao Nguyen¹

¹ *An Giang University, Viet Nam National University Ho Chi Minh City*

Received: November 24, 2021

Revised: January 21, 2022

Accepted: March 15, 2022

ABSTRACT

Entering the 21st century, Unemployment has become a problem and appears in almost every country. The consequences of unemployment always cause far-reaching impacts on all industries and fields and are difficult to predict. On the basis of applying the organic relationship between economic development and defense-security consolidation, the author hypothesizes about the interaction relationship between unemployment and the sense of national defense in order to understand the dangers of impacts on the aspect of national defense and security in the current context. The author conducts verification through the method of analyzing the philosophical viewpoints and practical studies of the expression of the relationship. Research results show that unemployment creates many obstacles to the process of forming an individual's sense of national defense. At the same time, an individual's sense of national defenses will be degraded, disoriented when falling into unemployment and acts of defending the Fatherland against the interests of society also appear.

Keyword: *Awareness, Impact, Unemployment, Relationships, Theory and Practice*

Liên hệ **Trần Bảo Nguyên**

Trường Đại học An Giang, Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

E-mail: tbnguyen@agu.edu.vn